**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 50 /2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 5 - 2026
V/v ly hôn.

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Vân.

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Võ Thị Ngọc Mai

Bà Nguyễn Ngọc Cơ Minh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Đình Nam Giang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân* khu vực 17 - Lâm Đồng *tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hải Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2026/TLST – HNGĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2026, về việc "*Ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2026, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 18/2026/QĐ-TĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Tổ D, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Bùi Quang T, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Số G, đường 3 tháng 2, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

*Tại phiên tòa: Vắng mặt nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, các bản khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:*

Vào năm 1998, bà Lê Thị Kim L và ông Bùi Quang T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung

sống, ông bà hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà không cùng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung và ông T không lo làm ăn, thường xuyên ăn chơi nên khiến tình cảm của ông bà ngày càng phai nhạt. Bà L và ông T đã ly thân từ năm 2003 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc yêu thương nhau. Do bà L và ông T không đăng ký kết hôn, hiện nay cũng không còn sống chung nên bà Lê Thị Kim L yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Bùi Quang T.

Về con chung: Bà Lê Thị Kim L và ông Bùi Quang T có 02 con chung gồm Bùi Thị Trà G, sinh ngày: 25/10/1998 và Bùi Quang K, sinh ngày 25/10/2000. Cháu Trà G đã chết năm 2024, cháu Quang K đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên bà L không yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ông Bùi Quang T trình bày:*

*"Tôi và bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1976 chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Trước thời điểm chung sống với bà L thì ông chưa đăng ký kết hôn với ai. Do chúng tôi không biết quy định pháp luật nên không đăng ký kết hôn. Chúng tôi chung sống với nhau tại khu phố F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nay là thôn Đ, xã H , tỉnh Lâm Đồng từ năm 1998 đến năm 2003 thì ly thân. Từ đó đến nay chúng tôi không còn quan tâm, chăm sóc yêu thương nhau nữa. Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi đồng ý. Tôi thống nhất với toàn bộ lời khai của bà L. Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung gồm Bùi Thị Trà G, sinh ngày: 25/10/1998 đã chết năm 2024 và Bùi Quang K, sinh ngày 25/10/2000. Hiện nay, cháu Quang K đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên bà L không yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết."*

Tóa án đã tổ chức các phiên hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng không tiến hành hòa giải được.

*Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân* khu vực 17 - Lâm Đồng

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Kim L và ông Bùi Quang T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Bùi Quang T hiện đăng ký hộ khẩu tại thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng nên việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải Đối thoại tại Toà án năm 2025.

[ 2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Nội dung vụ án:

[4.1] Về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng: Bà Lê Thị Kim L và ông Bùi Quang T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận, bảo vệ. Trong quá trình chung sống, bà L và ông T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2003 cho đến nay ông bà mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, không còn yêu thương lẫn nhau nên bà L làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4.2] Về con chung: Bà Lê Thị Kim L và ông Bùi Quang T có 02 con chung gồm Bùi Thị Trà G, sinh ngày: 25/10/1998 và Bùi Quang K, sinh ngày 25/10/2000. Cháu Trà G đã chết năm 2024, cháu Quang K đã đủ tuổi trưởng

thành và có khả năng lao động, bà L và ông T không yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không cần xem xét trong bản án này.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6] Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng: Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng về việc đề nghị giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải Đối thoại tại Toà án năm 2025.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Kim L và ông Bùi Quang T.

2. *Về án phí:* Bà Lê Thị Kim L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005415, ngày 31 tháng 03 năm 2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 17 – Lâm Đồng. Bà L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 17 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- CCTHADS tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THAKV 17 – Lâm Đồng;
- UBND xã Hoài Đức, Lâm Đồng;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thu Vân**